



## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<i>Mục lục</i>	<i>1</i>
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>2 - 5</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>6</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>7 - 8</i>
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>9 - 29</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BAO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quy II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>186,841,276,868</b>	<b>201,093,489,832</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>2,530,463,692</b>	<b>4,111,832,345</b>
1. Tiền	111		2,530,463,692	4,111,832,345
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>59,255,434,393</b>	<b>67,325,730,730</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	41,370,870,448	39,620,977,520
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	27,014,859,230	28,302,124,471
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	1,570,226,235	1,246,675,846
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(10,700,521,520)	(1,844,047,107)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>122,025,492,468</b>	<b>127,107,068,257</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	122,025,492,468	127,107,068,257
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3,029,886,315</b>	<b>2,548,858,500</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		260,159,744	140,088,295
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	2,769,726,571	2,408,770,205

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>18,068,550,182</b>	<b>17,966,535,965</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9,089,314,673</b>	<b>9,350,891,574</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	4,510,514,673	4,772,091,574
<i>Nguyên giá</i>	222		106,039,514,217	114,872,121,178
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(101,528,999,544)	(110,100,029,604)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	4,578,800,000	4,578,800,000
<i>Nguyên giá</i>	228		4,578,800,000	4,578,800,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>8,600,644,391</b>	<b>8,600,644,391</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	4,180,644,391	4,180,644,391
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	4,420,000,000	4,420,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>378,591,118</b>	<b>15,000,000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		363,591,118	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.12	15,000,000	15,000,000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>204,909,827,050</b>	<b>219,060,025,797</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>152,819,888,879</b>	<b>167,138,850,654</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>149,219,888,879</b>	<b>163,538,850,654</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	34,576,028,827	45,897,094,337
2. Phải trả người bán	312	V.14	49,668,930,496	51,724,860,452
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	19,547,135,440	20,076,394,872
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	23,078,881,965	22,177,797,863
5. Phải trả người lao động	315		290,450,537	1,734,920,323
6. Chi phí phải trả	316	V.17	3,593,466,362	9,491,699,955
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	18,405,428,366	12,376,515,966
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		59,566,886	59,566,886
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3,600,000,000</b>	<b>3,600,000,000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	3,600,000,000	3,600,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>52,089,938,171</b>	<b>51,921,175,143</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>52,089,938,171</b>	<b>51,921,175,143</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		41,039,290,000	41,039,290,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		149,852,000	149,852,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2,761,987,245	2,761,987,245
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		581,097,141	581,097,141
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7,557,711,785	7,388,948,757
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>C - LỢI ÍCH CŨ ĐỒNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>204,909,827,050</b>	<b>219,060,025,797</b>



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

(Đơn vị: đồng)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

1000.VND

STT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	17,240,235,798	29,336,958,359	25,968,419,888	37,817,240,243
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		17,240,235,798	29,336,958,359	25,968,419,888	37,817,240,243
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	6,100,766,843	24,986,733,316	15,578,128,422	32,005,943,402
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11,139,468,955	4,350,225,043	10,390,291,466	5,811,296,841
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	91,036	4,428,828	187,832	4,967,816
7	Chi phí tài chính	22	VI.4	2,083,824,729	2,304,194,730	2,345,641,394	3,496,212,667
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		2,083,824,729	2,304,194,730	2,345,641,394	3,496,212,667
8	Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	9,480,107,585	1,045,693,749	9,986,212,364	1,761,683,415
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(424,372,323)	1,004,765,392	(1,941,374,460)	558,368,575
11	Thu nhập khác	31	VI.6	513,998,526	(457,630,000)	2,141,271,253	45,454,545
12	Chi phí khác	32	VI.7	15,200,000	234,000,000	15,200,000	260,000,000
13	Lợi nhuận khác	40		498,798,526	(691,630,000)	2,126,071,253	(214,545,455)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		74,426,203	313,135,392	184,696,793	343,823,120
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		15,933,765	76,485,622	40,633,295	121,106,917
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		58,492,438	236,649,770	144,063,498	222,716,203
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	14	54	35	54

Kế toán trưởng

Ngô Đức Nam



Nguyễn Quốc Hương

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II năm 2015

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		184,696,793	343,823,120
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2,402,703,766	3,896,732,586
- Các khoản dự phòng	03		8,856,474,413	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(513,998,526)	(45,454,545)
- Chi phí lãi vay	06		2,085,824,729	3,496,212,667
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13,015,701,175	7,691,313,828
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1,648,005,540)	(5,877,719)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5,081,575,789	8,331,597,825
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2,913,830,030)	(6,964,214,254)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(363,391,118)	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2,085,824,729)	(3,601,611,551)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(100,000,000)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		48,238,520	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>11,034,464,067</b>	<b>5,451,208,129</b>
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,728,765,736)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		433,998,526	45,454,545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1,294,767,210)</b>	<b>45,454,545</b>



Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BAO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

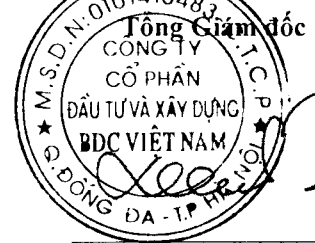
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ** (tiếp theo)

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		6,590,228,930	22,964,084,721
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(17,911,294,440)	(26,189,875,515)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Có tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
			-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(11,321,065,510)</i>	<i>(3,225,790,794)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(1,581,368,653)</b>	<b>2,270,871,880</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>4,111,832,345</b>	<b>3,829,450,419</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>2,530,463,692</b>	<b>6,100,322,299</b>

**Kế toán trưởng**

**Ngô Đức Nam**

Lập ngày 08 tháng 8 năm 2015



**Nguyễn Quốc Hương**

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

## BAO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm 2015

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm 2015

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng và các lĩnh vực khác
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm**
  - Xây dựng các công trình giao thông trong và ngoài nước (bao gồm: cầu, đường, bến cảng, san lấp mặt bằng);
  - Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi và đường điện đến 35KV;
  - Nạo vét, đào đắp công trình;
  - Đầu tư xây dựng các công trình: cơ sở hạ tầng cụm dân cư, đô thị, giao thông vận tải;
  - Khai thác, kinh doanh đá, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện thép, cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông nhựa;
  - Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, hàng hóa, dịch vụ du lịch, khách sạn, vui chơi giải trí;
  - Sửa chữa xe máy thiết bị thi công, gia công cơ khí;
  - Thiết kế các công trình xây dựng thủy lợi;
  - Thiết kế các công trình cảng, đường thủy;
  - Thiết kế đường bộ;
  - Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ tài chính đã ban hành thông tư số 200/2014/TT – BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, thay thế cho chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ áp dụng Chế độ kế toán mới này vào việc lập BCTC năm 2015.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

---

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Công ty có 2 Chi nhánh (Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 1 - Xi nghiệp số 2 và Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam (TP Hà Nội)) hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán độc lập.

Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam (TP Hà Nội) mà không tổng hợp Báo cáo tài chính của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 1 - Xi nghiệp số 2 do Công ty chưa cấp vốn hoạt động cho Chi nhánh này theo Điều lệ hoạt động của Chi nhánh.

Doanh thu và số dư giữa Văn phòng Công ty và Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam (TP Hà Nội) được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp. Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ không thể thu hồi được.

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trị giá hàng tồn kho cuối được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm được xác định cho từng công trình như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí} & & \text{Giá trị} & & \text{Thu nhập} & & \text{Chi phí} \\ \text{sản xuất kinh doanh} & = & \text{sản lượng} & - & \text{chịu thuế} & - & \text{quản lý} \\ \text{dở dang cuối năm} & & \text{dở dang cuối} & & \text{tính trước} & & \text{ước tính} \\ & & \text{năm} & & & & \\ & & & & \text{Các khoản} & & \\ & & & & \text{phụ phí} & & \\ & & & & \text{(nếu có)} & & \end{array}$$

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BAO CAO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quy II của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2015

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

---

## 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

## 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	03 – 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	03 – 05

## 6. Tài sản cố định vô hình

### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

## 7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

## 8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

Trong kỳ, chi phí lãi vay được phản ánh theo số thực tế đã trả.

## 9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BAO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

---

#### 10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

#### 11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 13. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

#### 14. Tài sản tài chính

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BAO CAO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

## *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

## *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

## *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## **15. Nợ phải trả tài chính**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

## *Nợ phải trả tài chính*

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

## *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

## *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BAO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

## 16. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## 17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.973.776.286	4.047.280.978
Tiền gửi ngân hàng	556.687.406	64.551.367
<b>Cộng</b>	<b><u>2.530.463.692</u></b>	<b><u>4.111.832.345</u></b>

### 2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng hoạt động xây dựng	41.290.870.448	38.825.916.428
Phải thu khách hàng hoạt động khác	80.000.000	795.061.092
<b>Cộng</b>	<b><u>41.370.870.448</u></b>	<b><u>39.620.977.520</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhóm đối tượng Công ty Cổ phần	2.464.680.346	2.732.505.346
Nhóm đối tượng Công ty TNHH	3.160.212.033	3.039.515.133
Nhóm đối tượng Doanh nghiệp tư nhân	75.081.517	814.385.817
Nhóm đối tượng khác	21.314.885.334	21.715.718.175
<b>Cộng</b>	<b><u>27.014.859.230</u></b>	<b><u>28.302.124.471</u></b>

#### 4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần MCO Phát triển Hạ tầng	-	130.176.000
Thuế GTGT đầu vào của các công trình chưa có hóa đơn	-	375.161.159
Tạm ứng cho các đối tượng ngoài Công ty	623.919.530	623.919.530
Các khoản phải thu khác	946.306.705	117.419.157
<b>Cộng</b>	<b><u>1.570.226.235</u></b>	<b><u>1.246.675.846</u></b>

#### 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	565.700.500	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	2.860.523.458	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	7.274.297.562	1.844.047.107
<b>Cộng</b>	<b><u>10.700.521.520</u></b>	<b><u>1.844.047.107</u></b>

#### 6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.184.869.003	3.036.589.613
Công cụ, dụng cụ	18.909.100	18.909.100
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	120.821.714.365	124.051.569.544
<b>Cộng</b>	<b><u>122.025.492.468</u></b>	<b><u>127.107.068.257</u></b>

#### 7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	2.763.709.832	2.354.514.946
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	1.016.739	1.016.739
Tài sản thiếu chờ xử lý	5.000.000	53.238.520
<b>Cộng</b>	<b><u>2.769.726.571</u></b>	<b><u>2.408.770.205</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BAO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý II của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2015

**Ban thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	2.814.660.275	86.048.350.392	25.092.415.499	589.855.186	326.839.826	114.872.121.178
Tăng trong kỳ	-	2.396.466.685	-	-	-	2.396.466.685
<i>Tăng do mua sắm mới</i>	-	1.728.765.736	-	-	-	1.728.765.736
<i>Tăng do phân loại lại</i>	-	667.700.949	-	-	-	667.700.949
Giảm trong kỳ	-	(10.269.944.126)	(797.249.334)	(161.880.186)	-	(11.229.073.646)
<i>Giảm do thanh lý, nhượng bán</i>	-	(10.269.744.126)	(291.428.571)	-	-	(10.561.172.697)
<i>Giảm do phân loại lại</i>	-	-	(505.820.763)	(161.880.186)	-	(667.700.949)
<i>Giảm khác</i>	-	(200.000)	-	-	-	(200.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.814.660.275</b>	<b>78.174.872.951</b>	<b>24.295.166.165</b>	<b>427.975.000</b>	<b>326.839.826</b>	<b>106.039.514.217</b>
Trong đó:						
<i>TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	69.169.439.353	14.961.936.419	427.975.000	326.839.826	84.886.190.598
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	1.838.232.289	84.502.576.697	22.842.525.606	589.855.186	326.839.826	110.100.029.604
Tăng trong kỳ	140.733.012	1.808.673.898	615.177.042	-	-	2.564.583.952
<i>Tăng do khấu hao trong năm</i>	140.733.012	1.786.181.109	475.789.645	-	-	2.402.703.766
<i>Tăng do phân loại lại</i>	-	22.492.789	139.387.397	-	-	161.880.186
Giảm trong kỳ	-	(10.672.616.529)	(301.117.297)	(161.880.186)	-	(11.135.614.012)
<i>Giảm do thanh lý, nhượng bán</i>	-	(10.269.744.126)	(291.428.571)	-	-	(10.561.172.697)
<i>Phân loại lại</i>	-	-	-	(161.880.186)	-	(161.880.186)
<i>Giảm khác</i>	-	(402.872.403)	(9.688.726)	-	-	(412.561.129)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.978.965.301</b>	<b>75.638.634.066</b>	<b>23.156.585.351</b>	<b>427.975.000</b>	<b>326.839.826</b>	<b>101.528.999.544</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	976.427.986	1.545.773.695	2.249.889.893	-	-	4.772.091.574
Số cuối kỳ	835.694.974	2.536.238.885	1.138.580.814	-	-	4.510.514.673

Tài sản cố định của Công ty có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 104.884.479.306 đồng và 4.510.514.673 đồng được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại Số 8 ngõ 121 phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội diện tích 55,36 m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu Nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 0105090147 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 25/11/1999. Nguyên giá, giá trị còn lại tài sản cố định này là 4.578.800.000 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ.

### 10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng MCK theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2901092786 ngày 16 tháng 6 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 23 tháng 11 năm 2010, Tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng MCK là 83.200.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam là 41%, Công ty Cổ phần Đầu tư CK Việt Nam là 39% và Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T là 20%. Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam đã tạm góp vốn bằng tiền và các chi phí là 4.180.644.391 đồng.

### 11. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Doanh nghiệp trẻ Việt Nam <sup>(a)</sup>	3.420.000.000	3.420.000.000
Công ty CP Công nghệ và Truyền thông CK <sup>(b)</sup>	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.420.000.000</u></b>	<b><u>4.420.000.000</u></b>

<sup>(a)</sup> Là khoản góp vốn hợp tác kinh doanh đầu tư xây dựng dự án Khu đô thị Quán Bàu - TP Vinh (tỉnh Nghệ An) cùng với Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Nghệ An và Công ty Cổ phần Tân Bình. Theo đó, phía Công ty góp vốn theo tỷ lệ 30% trên tổng vốn đầu tư (dự kiến tổng vốn đầu tư là 50 tỷ đồng) và chuyển vốn góp cho Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Nghệ An. Các bên thành lập Ban quản lý dự án chung do các bên cùng cử người đại diện tham gia vào dự án, phía Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Nghệ An chịu trách nhiệm làm đại diện pháp nhân cho chủ đầu tư trong quá trình thực hiện dự án. Khi toàn bộ quá trình thực hiện dự án được hoàn thành, căn cứ vào tỷ lệ vốn góp của các bên sẽ tiến hành phân chia kết quả đầu tư bằng lợi nhuận thu được khi bán các sản phẩm xây dựng đã hoàn thành là các căn hộ, nền đất, khi không bán được các bên thống nhất sẽ phân chia kết quả đầu tư bằng sản phẩm. Mỗi bên sở hữu lợi nhuận hoặc sản phẩm theo tỷ lệ vốn góp của mình. Số đã đầu tư đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 3.420.000.000 đồng.

<sup>(b)</sup> Khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông CK với số cổ phần nắm giữ là 10.000 cổ phần, mệnh giá 100.000 đồng, tổng giá trị đã đầu tư là 1.000.000.000 đồng.

### 12. Tài sản dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2015

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 13. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>15.771.817.207</i>	<i>24.892.882.717</i>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội <sup>(a)</sup>	8.455.802.050	10.386.467.014
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội <sup>(b)</sup>	7.316.015.157	5.942.942.170
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam- Chi nhánh Láng Hạ	-	8.563.473.533
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân và tổ chức khác</i>	<i>13.578.472.277</i>	<i>14.128.472.277</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>5.225.739.343</i>	<i>6.875.739.343</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Đống Đa <sup>(c)</sup>	5.225.739.343	6.875.739.343
<b>Cộng</b>	<b><u>34.576.028.827</u></b>	<b><u>45.897.094.337</u></b>

<sup>(a)</sup> Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo nhiều hợp đồng hạn mức tín dụng cho nhiều công trình khác nhau để bổ sung vốn kinh doanh lưu động cho Văn phòng Công ty.

<sup>(b)</sup> Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 0303/2015/HĐHM-PN/SHB.110200 ngày 11 tháng 3 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 40 tỷ, hạn mức vay vốn 10 tỷ, hạn mức bảo lãnh 30 tỷ, lãi suất linh hoạt theo từng lần nhận nợ. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tài sản đảm bảo là bất động sản theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101090082, hồ sơ gốc số 2873.2002.QĐUB/12175.2002 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 26/04/2002 đứng tên ông Nguyễn Quốc Hương và vợ bà Lê Thị Thu Hà.

<sup>(c)</sup> Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 17-LAV-201300670 ngày 14 năm 06 năm 2013 với hạn mức tín dụng là 6,7 tỷ đồng, lãi suất vay linh hoạt theo từng lần nhận nợ để bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền mua vật tư thi công các công trình. Khoản vay này được thế chấp bằng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở trụ sở Văn phòng Công ty tại số 8 ngõ 121, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, thành phố Hà Nội.

### 14. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhóm đối tượng Công ty Cổ phần	18.754.625.932	16.199.179.055
Nhóm đối tượng Công ty TNHH	22.707.734.795	23.519.078.206
Nhóm đối tượng Doanh nghiệp tư nhân	596.147.006	1.828.486.006
Nhóm đối tượng khác	7.610.422.763	10.178.117.185
<b>Cộng</b>	<b><u>49.668.930.496</u></b>	<b><u>51.724.860.452</u></b>

### 15. Người mua trả tiền trước

Là các khoản trả trước liên quan đến hợp đồng xây dựng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng	20.362.158.801	19.377.008.464
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.446.296.633	2.505.663.338
Thuế thu nhập cá nhân	295.126.061	295.126.061
<b>Cộng</b>	<b><u>23.103.581.495</u></b>	<b><u>22.177.797.863</u></b>

##### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT 10%.

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam (TP Hà Nội) hạch toán độc lập, thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh.

#### 17. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	3.593.466.362	3.593.466.362
Trích trước giá vốn các công trình đã ghi nhận doanh thu	-	5.898.233.593
<b>Cộng</b>	<b><u>3.593.466.362</u></b>	<b><u>9.491.699.955</u></b>

#### 18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	529.548.981	536.548.981
Bảo hiểm xã hội	821.879.719	1.456.274.134
Phải trả về cổ phần hóa	225.016.286	229.535.800
Phải trả các cá nhân tiền vay không tính lãi	6.345.887.000	6.942.887.000
Phải trả phí quản lý Tổng Công ty Xây dựng Đường Thủy	271.412.030	271.412.030
Phải trả, phải nộp khác	10.211.684.350	2.939.858.021
<b>Cộng</b>	<b><u>18.405.428.366</u></b>	<b><u>12.376.515.966</u></b>

#### 19. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn các cá nhân</i>	<i>3.600.000.000</i>	<i>3.600.000.000</i>
Ông Nguyễn Tài Thạch	2.100.000.000	2.100.000.000
Bà Lê Thị Bình	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.600.000.000</u></b>	<b><u>3.600.000.000</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 20. **Vốn chủ sở hữu**

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	41.039.290.000	149.852.000	2.761.987.245	581.097.141	7.239.824.344	51.772.050.730
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	149.124.413	149.124.413
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b><u>41.039.290.000</u></b>	<b><u>149.852.000</u></b>	<b><u>2.761.987.245</u></b>	<b><u>581.097.141</u></b>	<b><u>7.338.948.757</u></b>	<b><u>51.921.175.143</u></b>
Số dư đầu năm nay	41.039.290.000	149.852.000	2.761.987.245	581.097.141	7.388.948.757	51.921.175.143
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	144.063.498	144.063.498
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b><u>41.039.290.000</u></b>	<b><u>149.852.000</u></b>	<b><u>2.761.987.245</u></b>	<b><u>581.097.141</u></b>	<b><u>7.533.012.255</u></b>	<b><u>52.065.238.641</u></b>

#### *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn góp của Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy	4.706.740.000
Vốn góp của các cổ đông khác	36.332.550.000
Thặng dư vốn cổ phần	149.852.000
<b>Cộng</b>	<b><u>41.189.142.000</u></b>

#### *Cổ phiếu*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.103.929	4.103.929
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.103.929	4.103.929
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.103.929	4.103.929
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.103.929	4.103.929
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.103.929	4.103.929

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

#### 1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	17.240.235.798	29.336.958.359
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	968.385.090	356.053.052
<i>Doanh thu hoạt động xây dựng</i>	16.271.850.708	28.980.905.307
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>17.240.235.798</u></b>	<b><u>29.336.958.359</u></b>

#### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	6.100.766.843	24.986.733.316
<b>Cộng</b>	<b><u>6.100.766.843</u></b>	<b><u>24.986.733.316</u></b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi không kỳ hạn phát sinh trong kỳ.

#### 4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ.

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	273.995.751	449.072.366
Chi phí vật liệu quản lý	-	16.331.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	7.090.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	183.157.686	183.157.686
Thuế, phí và lệ phí	28.605.692	11.577.500
Chi phí dự phòng	8.856.474.413	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.126.873	99.041.242
Chi phí bằng tiền khác	120.747.170	279.423.955
<b>Cộng</b>	<b><u>9.986.212.364</u></b>	<b><u>1.045.693.749</u></b>

#### 6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	513.998.526	(457.630.000)
<b>Cộng</b>	<b><u>513.998.526</u></b>	<b><u>(457.630.000)</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí bảo hành công trình	-	224.000.000
Chi phí khác	15.200.000	10.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>15.200.000</u></b>	<b><u>234.000.000</u></b>

#### 8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	72.426.203	313.135.392
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Lợi nhuận của Chi nhánh âm không tính thuế TNDN phải nộp	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	72.426.203	313.135.392
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b><u>15.933.765</u></b>	<b><u>76.485.622</u></b>
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>15.933.765</u></b>	<b><u>236.649.770</u></b>

#### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56.492.438	236.649.770
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	56.492.438	236.649.770
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.103.929	4.103.929
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>14</u></b>	<b><u>54</u></b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.103.929	4.103.929
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b><u>4.103.929</u></b>	<b><u>4.103.929</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BAO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### I. Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan:*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Thành viên Hội đồng quản trị</b>		
Công ty trả tiền vay	27.000.000	1.300.000.000
Trả tiền công ty cho vay	-	- 857.719.000
Tạm ứng	131.000.000	96.000.000
Hoàn ứng	15.000.000	313.699.500

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thành viên Hội đồng quản trị	325.229.500	209.229.500
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>325.229.500</b>	<b>209.229.500</b>

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thành viên Hội đồng quản trị	250.000.000	277.000.000
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>250.000.000</b>	<b>277.000.000</b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương Ban điều hành		285.000.000
<b>Cộng</b>		<b>285.000.000</b>

*Giao dịch với các bên liên quan khác:*

Các bên liên quan với Công ty là:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần MCO - Phát triển Hạ Tầng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng MCK	Công ty liên kết
Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần MCO Nghệ An	Bên nhận góp vốn
Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Việt Nam	Bên nhận góp vốn



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BAO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ các bên liên quan như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần MCO Nghệ An</b>		
Trả tiền thi Công công trình	4.962.869.000	-
Phải trả tiền thi công Công trình	6.417.567.196	-
Phải thu tiền cho thuê máy ủi	-	153.700.000
Thu tiền thanh lý máy ủi	-	50.000.000
<b>Công ty Cổ phần MCO - Phát triển Hạ Tầng</b>		
Trả tiền Công ty Cổ phần MCO - Phát triển Hạ tầng khoản chi hộ	130.176.000	-
Thu tiền đã đặt cọc cho Công ty MCO - Phát triển Hạ tầng	129.000.000	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Công ty Cổ phần MCO - Phát triển hạ tầng</b>		
Các khoản chi phí chi hộ	-	130.176.000
Trả trước người bán	-	129.000.000
<b>Công ty Cổ phần MCO Nghệ An</b>		
Phải thu tiền cho thuê tài sản	-	396.200.000
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>-</b>	<b>655.376.000</b>
<b>Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy</b>		
Phải trả các khoản chi phí cho		
Tổng Công ty Xây dựng Đường Thủy	271.412.030	271.412.030
<b>Công ty Cổ phần MCO Nghệ An</b>		
Phải trả tiền thi công Công trình	1.058.498.196	-
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>1.329.910.226</b>	<b>271.412.030</b>

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động xây dựng.
- Lĩnh vực 2: Hoạt động khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2015

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Hoạt động xây dựng</u>	<u>Hoạt động khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Kỳ này</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	16.271.850.708	968.385.090	17.240.235.798
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b><u>16.271.850.708</u></b>	<b><u>968.385.090</u></b>	<b><u>17.240.235.798</u></b>
Chi phí bộ phận	6.100.766.834	-	6.100.766.834
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>10.171.083.874</u>	<u>968.385.090</u>	<u>11.139.468.964</u>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(9.480.107.585)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			1.659.361.379
Doanh thu hoạt động tài chính			91.036
Chi phí tài chính			(2.085.824.729)
Thu nhập khác			513.988.526
Chi phí khác			(15.200.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			<u>(15.933.765)</u>
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b><u>56.492.438</u></b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b><u>1.728.765.736</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.728.765.736</u></b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b><u>2.402.703.766</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>2.402.703.766</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

	<u>Hoạt động xây dựng</u>	<u>Hoạt động khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	197.268.560.382	7.641.266.668	204.909.827.050
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>			<b><u><u>204.909.827.050</u></u></b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	147.144.880.027	5.699.708.382	152.844.588.409
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b><u><u>152.844.588.409</u></u></b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	216.932.516.983	2.127.508.814	219.060.025.797
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>			<b><u><u>219.060.025.797</u></u></b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	165.515.599.782	1.623.250.872	167.138.850.654
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b><u><u>167.138.850.654</u></u></b>

#### Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### 3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	2.530.463.692	4.111.832.345	2.530.463.692	4.111.832.345
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4.420.000.000	4.420.000.000	4.420.000.000	4.420.000.000
Phải thu khách hàng	30.670.348.928	37.776.930.413	30.670.348.928	37.776.930.413
Các khoản phải thu khác	4.354.952.806	3.670.446.051	4.354.952.806	3.670.446.051
<b>Cộng</b>	<b><u><u>41.975.765.426</u></u></b>	<b><u><u>49.979.208.809</u></u></b>	<b><u><u>41.975.765.426</u></u></b>	<b><u><u>49.979.208.809</u></u></b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	38.176.028.827	49.497.094.337	38.176.028.827	49.497.094.337
Phải trả người bán	49.668.930.496	51.724.860.452	49.668.930.496	51.724.860.452
Các khoản phải trả khác	22.289.345.265	23.603.136.244	22.289.345.265	23.603.136.244
<b>Cộng</b>	<b><u><u>110.134.304.588</u></u></b>	<b><u><u>124.825.091.033</u></u></b>	<b><u><u>110.134.304.588</u></u></b>	<b><u><u>124.825.091.033</u></u></b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

#### 4. **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này, khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### 5. **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	34.576.028.827	-	3.600.000.000	38.176.028.827
Phải trả cho người bán	49.668.930.496	-	-	49.668.930.496
Các khoản phải trả khác	22.289.345.265	-	-	22.289.345.265
<b>Cộng</b>	<b>106.534.304.588</b>	<b>-</b>	<b>3.600.000.000</b>	<b>110.134.304.588</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	45.897.094.337	-	3.600.000.000	49.497.094.337
Phải trả cho người bán	51.724.860.452	-	-	51.724.860.452
Các khoản phải trả khác	23.603.136.244	-	-	23.603.136.244
<b>Cộng</b>	<b>121.225.091.033</b>	<b>-</b>	<b>3.600.000.000</b>	<b>124.825.091.033</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ ở mức trung bình. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### 6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

##### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là đồng.

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý II của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**7. Thay đổi chính sách kế toán**

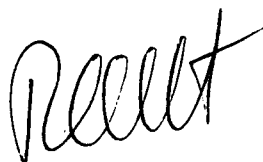
Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ tài chính đã ban hành thông tư số 200/2014/TT – BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, thay thế cho chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Ngày 18 tháng 5 năm 2015, Bộ tài chính ban hành Thông tư số 75/2015/TT-BTC sửa đổi, bổ sung điều 128 Thông tư 200/2014/TT-BTC. Theo đó, Doanh nghiệp thuộc đối tượng phải lập báo cáo tài chính giữa niên độ (báo cáo tài chính quý và báo cáo tài chính bán niên) được lựa chọn lập báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2015 theo quy định tại Quyết định 15/2006/QĐ-BTC hoặc theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Ban Tổng Giám đốc Công ty lựa chọn việc lập Báo cáo tài chính Tổng hợp giữa niên độ Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo Quy định tại Quyết định 15/2006/QĐ-BTC.

Lập ngày 08 tháng 8 năm 2015

**Kế toán trưởng**



**Ngô Đức Nam**



**Tổng Giám đốc**

**Nguyễn Quốc Hương**